



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 4

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP QUÝ 1 - 2015

Khánh Hoà, tháng 04 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.853.080.346	134.137.748.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.785.787.350	30.619.889.296
1. Tiền	111	V.1	1.785.787.350	7.819.889.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	22.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.953.728.422	87.139.598.777
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	88.533.340.118	98.352.616.678
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.170.186.665	3.319.577.112
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	70.493.323	287.696.671
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.820.291.684)	(14.820.291.684)
IV. Hàng tồn kho	140		5.544.611.201	14.593.241.017
1. Hàng tồn kho	141	V.5	5.544.611.201	14.593.241.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.568.953.373	1.785.018.974
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.127.927
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	6.568.953.373	1.779.891.047

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.382.203.056	132.478.658.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.012.336.984	2.012.336.984
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.7	2.012.336.984	2.012.336.984
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.101.623.574	23.097.069.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.777.182.231	7.708.091.151
<i>Nguyên giá</i>	222		30.663.337.135	30.292.582.135
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.886.154.904)	(22.584.490.984)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.324.441.343	15.388.978.804
<i>Nguyên giá</i>	228		18.762.715.255	18.762.715.255
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.438.273.912)	(3.373.736.451)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		106.400.000.000	106.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	103.850.000.000	103.850.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	2.550.000.000	2.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		868.242.498	969.251.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	788.242.498	889.251.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		80.000.000	80.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		231.235.283.402	266.616.406.403

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.696.814.874	93.232.982.499
I. Nợ ngắn hạn	310		58.297.696.536	85.837.435.317
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	1.067.092.000	4.950.399.000
2. Phải trả người bán	312	V.14	6.725.937.317	7.351.021.754
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	23.481.294.955	27.804.540.735
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.812.943.398	5.295.745.360
5. Phải trả người lao động	315		13.003.604.111	12.560.181.688
6. Chi phí phải trả	316		-	842.760.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	4.877.070.793	19.684.332.818
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	7.329.753.962	7.348.453.962
II. Nợ dài hạn	330		4.399.118.338	7.395.547.182
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	4.399.118.338	7.395.547.182
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.538.468.528	173.383.423.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	168.538.468.528	173.383.423.904
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.996.140.000	145.996.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(15.784.110.000)	(15.784.110.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(745.850.060)	(745.850.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.166.292.154	20.166.292.154
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.586.968.453	6.586.968.453
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.721.694.867	1.721.694.867
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.597.333.114	15.442.288.490
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.235.283.402	266.616.406.403

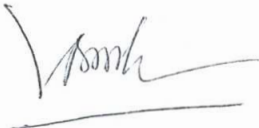
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.838.261.683	3.838.261.683
5. Ngoại tệ các loại: USD		12.057,74	378,49
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

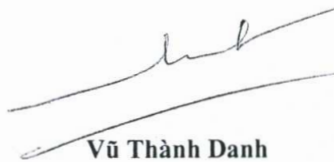
Nha Trang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh

Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

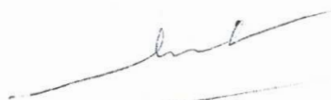
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39.647.493.389	18.135.845.411	39.647.493.389	18.135.845.411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.647.493.389	18.135.845.411	39.647.493.389	18.135.845.411
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.610.953.408	12.175.723.180	29.610.953.408	12.175.723.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.036.539.981	5.960.122.231	10.036.539.981	5.960.122.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	118.354.887	24.376.089	118.354.887	24.376.089
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	75.686.767	309.121.047	75.686.767	309.121.047
Trong đó: chi phí lãi vay	23		73.546.605	307.972.222	73.546.605	307.972.222
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	6.925.499.584	3.850.272.807	6.925.499.584	3.850.272.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.153.708.517	1.825.104.466	3.153.708.517	1.825.104.466
11. Thu nhập khác	31		-	649.000	-	649.000
12. Chi phí khác	32		47.823.743	-	47.823.743	-
13. Lợi nhuận khác	40		(47.823.743)	649.000	(47.823.743)	649.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.105.884.774	1.825.753.466	3.105.884.774	1.825.753.466
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	683.294.650	401.665.763	683.294.650	401.665.763
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.422.590.124	1.424.087.703	2.422.590.124	1.424.087.703
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	167	98	167	98

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Lê Thanh Bình



Vũ Thành Danh



Nha Trang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Tổng giám đốc

Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.105.884.774	1.825.753.466
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	366.201.381	415.593.781
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	73.546.605	307.972.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.545.632.760	2.549.319.469
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.676.341.996	13.961.835.525
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.048.629.816	258.237.703
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.820.898.060)	(8.696.715.066)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		106.136.829	123.031.723
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.839.449)	(36.097.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(549.857.069)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.835.153.287)	(2.500.059.277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.837.006.464)	5.659.552.855
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.433.882.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		115.133.362	11.762.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		115.133.362	(1.422.119.433)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.166.281.656	4.000.040.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.278.510.500)	(10.242.680.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.112.228.844)	(6.242.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(20.834.101.946)	(2.005.206.578)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.619.889.296	4.166.428.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.785.787.350	2.161.221.752

Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng

Vũ Thành Danh

Nha Trang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ tư vấn
- Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện
- Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty:**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	03 – 06
- Phương tiện vận chuyển	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Cộng	5.544.611.201	14.593.241.017			
6. Tài sản ngắn hạn khác					
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Tạm ứng cho người lao động	6.568.953.373	1.779.891.047			
Cộng	6.568.953.373	1.779.891.047			
7. Phải thu dài hạn của khách hàng					
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Ban quản lý dự án Thủy Điện 1	184.144.863	184.144.863			
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821			
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	138.611.000	138.611.000			
Ban QLDA Thủy điện 2	156.818.300	156.818.300			
Cộng	2.012.336.984	2.012.336.984			
8. Tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.104.595.287	7.837.767.082	11.378.793.874	971.425.892	30.292.582.135
Đầu tư mới	-	-	330.000.000	40.755.000	370.755.000
Điều chỉnh	-	-	-	-	-
Số cuối quý	10.104.595.287	7.837.767.082	11.708.793.874	1.012.180.892	30.663.337.135
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.816.906.288	7.617.981.309	10.362.855.158	786.748.229	22.584.490.984
Trích khấu hao	134.347.899	50.096.801	89.600.073	27.619.147	301.663.920
Điều chỉnh	-	-	-	-	-
Số cuối quý	3.951.254.187	7.668.078.110	10.452.455.231	814.367.376	22.886.154.904
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.287.688.999	219.785.773	1.015.938.716	184.677.663	7.708.091.151
Số cuối quý	6.153.341.100	169.688.972	1.256.338.643	197.813.516	7.777.182.231
9. Tài sản cố định vô hình					
	<u>Quyền sử dụng đất không thời hạn</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tổng cộng</u>	
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.205.252.255	18.762.715.255	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	
Điều chỉnh	-	-	-	-	
Số cuối quý	7.093.957.000	9.463.506.000	2.205.252.255	18.762.715.255	
Giá trị hao mòn					

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Số đầu năm	-	1.277.415.705	2.096.320.746	3.373.736.451
Khấu hao trong kỳ	-	49.876.200	14.661.261	64.537.461
Điều chỉnh	-	-	-	-
Số cuối quý	-	1.327.291.905	2.110.982.007	3.438.273.912
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.186.090.295	108.931.509	15.388.978.804
Số cuối quý	7.093.957.000	8.136.214.095	94.270.248	15.324.441.343

10. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	10.385.000	103.850.000.000	10.385.000	103.850.000.000
Cộng		103.850.000.000		103.850.000.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế	1.050.000.000	1.050.000.000
Cộng	2.550.000.000	2.550.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Phát sinh trong kỳ như sau:

	Quý 1 / 2015
Số đầu kỳ	889.251.400
Phát sinh tăng	83.841.027
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh	(184.849.929)
Số cuối kỳ	788.242.498

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	1.000.000.000	-
Vay của CBCNV	67.092.000	3.183.499.000
Vay EVN đến hạn trả	-	1.766.900.000
Cộng	1.067.092.000	4.950.399.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.399.118.338	7.395.547.182

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	3.734.367.616	(745.850.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.424.087.703	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	6.158.455.319	(745.850.060)
Số dư đầu năm nay	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	15.442.288.490	(745.850.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.422.590.124	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(7.267.545.500)	-
Số dư cuối kỳ này năm nay	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	10.597.333.114	(745.850.060)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<u>Cổ đông</u>	<u>Số tiền góp vốn tại ngày 31/03/2015</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44
Cộng	145.996.140.000	100,00

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 145.996.140.000 VND, được chia thành 14.599.614 cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	<u>Quý 1 / 2015</u>
Số đầu kỳ	7.348.453.962
Trích quỹ từ lợi nhuận	-
Thu từ các khoản khác	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1 / 2015</u>	
Chi theo quy định	(26.700.000)	
Số cuối kỳ	<u>7.329.753.962</u>	
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Doanh thu hoạt động khảo sát	10.418.034.812	5.954.802.219
Doanh thu hoạt động thiết kế	29.229.458.577	12.181.043.192
Cộng	<u>39.647.493.389</u>	<u>18.135.845.411</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	5.876.480.448	3.625.070.740
Giá vốn hoạt động thiết kế	23.734.472.960	8.550.652.440
Cộng	<u>29.610.953.408</u>	<u>12.175.723.180</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	115.133.362	12.080.519
Chênh lệch tỷ giá	3.221.525	12.295.570
Cộng	<u>118.354.887</u>	<u>24.376.089</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Chi phí lãi vay	73.546.605	307.972.222
Chi phí chênh lệch tỷ giá	2.140.162	1.148.825
Cộng	<u>75.686.767</u>	<u>309.121.047</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Chi phí cho nhân viên	4.270.440.274	1.768.195.392
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	76.815.069	46.767.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.723.904	13.501.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.775.297	261.000.942
Chi phí khác	2.298.745.040	1.760.807.056
Cộng	<u>6.925.499.584</u>	<u>3.850.272.807</u>
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	<u>Quý 1/ 2015</u>	<u>Quý 1/ 2014</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.105.884.774	1.825.753.466
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

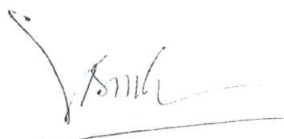
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 1/ 2015	Quý 1/ 2014
Tổng thu nhập chịu thuế	3.105.884.774	1.825.753.466
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	683.294.650	401.665.763
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	683.294.650	401.665.763
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Quý 1/ 2015	Quý 1/ 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.422.590.124	1.424.087.703
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.422.590.124	1.424.087.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.535.091	14.535.091
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	167	98

Người lập biểu


Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng


Vũ Thành Danh

Nha Trang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Tổng giám đốc

**Phạm Minh Sơn**



EVN PECC4

TRỤ SỞ CHÍNH

11 Hoàng Hoa Thám, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: 058. 3563 999 - 058. 3823 780 • Fax: 058. 3563 888 - 058. 3824 208
Email: tv4@pecc4.vn • Website: www.pecc4.vn

CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Lô 3, TT4, Ngõ 183, Phố Hoàng Văn Thái
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 04. 22183872 - 04. 22183870 • Fax: 04. 6285 5759
Email: pecc4cnphiabac@gmail.com

CHI NHÁNH PHÍA NAM

Số 28 B Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 08. 35268347 • Fax: 08. 35267790 • Email: tv4vpphianam@vnn.vn